

Số: 1219/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục hồ, ao; các di tích lịch sử - văn hóa,
danh lam thắng cảnh gắn với nguồn nước đã được xếp hạng
không được san lấp trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 351/TTr-STNMT ngày 21/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục hồ, ao; các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với nguồn nước đã được xếp hạng không được san lấp trên địa bàn tỉnh Sơn La để thực hiện chức năng, nhiệm vụ: phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước, với những nội dung sau:

1. Số lượng hồ, ao không được san lấp: 169.

(chi tiết có danh mục tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với nguồn nước đã được xếp hạng không được san lấp: 03.

(chi tiết có Danh mục tại Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục hồ, ao; các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với nguồn nước đã được xếp hạng không được san lấp trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông báo đến UBND cấp huyện; UBND xã, phường, thị trấn nơi có hồ, ao; các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với nguồn nước đã được xếp hạng không được san lấp niêm yết công khai danh mục tại trụ sở cơ quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / 

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Như Điều 3;
- Đài PTTH tỉnh Sơn La;
- Báo Sơn La;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Hồng Minh



PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CÁC HỒ, AO KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên hồ	Vị trí	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng
I	Huyện Mường La				
1	Hồ Nậm Giôn	Xã Nậm Giôn	0,9	1,373	Thủy điện
2	Hồ Nậm Bú	Xã Tạ Bú	0,29	1,86	„
3	Hồ Nậm Chiến 2	Xã Chiềng San	1,7	3,7	„
4	Hồ Nậm Khót	Xã Ngọc Chiến	0,0037	0,372	„
5	Hồ Nậm Hồng 2	Xã Chiềng Công	0,0105	0,0588	„
6	Hồ Nậm Hồng 1	Xã Chiềng Công	0,0147	1,105	„
7	Hồ Pá Chiến	Xã Chiềng San	0,016	0,055	„
8	Hồ Nậm Xá	Xã Chiềng Ân	0,004	0,153	„
9	Hồ Nậm Trai 4	Xã Hua Trai	0,096	0,989	„
10	Hồ Nậm Pía	Xã Chiềng hoa	0,03	0,314	„
11	Hồ Nậm Chiến	Xã Ngọc Chiến		154,75	„
12	Hồ Sơn La	Thị trấn Ít Ong	224	9260	„
13	Hồ Nậm Chiến 3	Xã Chiềng San		0,013	„
14	Hồ Chiềng Công 1	Xã Chiềng Công		0,004	„
15	Hồ Lọng Tông	Xã Mường Bú	0,006	0,009	Ao, hồ tự nhiên
16	Hồ Nong Hung	Xã Mường Bú	0,008	0,012	„
17	Ao Chom Cọ	Bản Chom Cọ, xã Tạ Bú	0,0002	0,0003	„
18	Ao Ít Nghe	Bản Nong Phụ	0,0003	0,0006	„
19	Hồ Noong Lung	Xã Chiềng Hoa	0,0103	0,0122	„
20	Hồ Cuông Mường	Xã Mường Chùm	0,021		„
21	Hồ Pàn	Xã Mường Chùm	0,013		„
22	Hồ Pom Pát 1	Tiểu khu 2, TT Ít Ong	0,0051	0,0153	„
23	Hồ Pom Pát 2	Tiểu khu 2, TT Ít Ong	0,0022	0,0044	„
24	Ao bản Tin	Bản Tin, TT Ít Ong	0,0022	0,0066	„
25	Hồ Nậm Hoi	Xã Ngọc Chiến	0,0061	0,0122	„
26	Hồ Bản Ngoạng	Xã Mường Bú		0,05	Hồ thủy lợi
27	Hồ Co Chai	Xã Mường Chùm	0,015	0,037	„
II	Huyện Mai Sơn				
1	Hồ Bản Mòn (Hồ Tiên Phong)	Xã Mường Bon	7	3,55	Hồ thủy lợi + Di tích cấp tỉnh (đang trình)
2	Hồ Bản Sắng	Xã Mường Bằng	0,017	0,096	„
3	Hồ Bản Lầu	Xã Chiềng Mung	2,4	0,06	„
4	Hồ Đen Phường	Xã Chiềng Chăn	5,5	0,423	„
5	Hồ Nà Bó	Xã Nà Bó	2,4	0,4	„
6	Hồ Nà Pát	Xã Nà Bó	2,4	0,5	„
7	Hồ bản Lương	Xã Mường Bằng	1,2	0,211	„
8	Hồ Bản Củ	Xã Chiềng Ban	1,7	0,4	„
9	Hồ Bản Kéo	Xã Chiềng Ban	1,25	0,35	„

STT	Tên hồ	Vị trí	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng
10	Hồ bản Thộ	Xã Chiềng Ban	0,5	0,04	„
11	Hồ Co My	Xã Chiềng Mung	1,25	0,11	„
12	Hồ Xum Lo	Xã Chiềng Mung	1,5	0,4	„
13	Hồ Khôn Kén	Xã Chiềng Mung	0,5	0,45	„
14	Hồ Xa Cẩn	Xã Mường Bon	0,7	0,15	„
15	Hồ Bản Ổ	Xã Mường Bon	1,4	0,11	„
16	Hồ Bản Bon	Xã Mường Bon	1,5	0,25	„
17	Hồ Bản Pòn	Xã Chiềng Mai	1,1	0,3	„
18	Hồ Nà Si	Xã Hát Lót	1	0,027	„
19	Hồ Bản Giàn	Xã Mường Bằng	1	0,05	„
20	Hồ Nong Tàu Thái	Xã Phiêng Cầm	1,4	0,084	„
21	Hồ bản Phát	Xã Chiềng Mung	0,0206	0,07	„
22	Hồ Nà Núa	Xã Chiềng Chăn		0,1	„
23	Hồ Bản Ban	Xã Chiềng Mai	0,0201	0,054	„
24	Hồ Phiêng Hỳ	Xã Cò Nòi	0,03	0,16	„
25	Hồ Nong Tàu Mông	Xã Phiêng Cầm	0,0114	0,076	„
26	Hồ Nong Nghè	Xã Phiêng Cầm	0,012	0,08	„
27	Hồ Huổi Nhả	Xã Phiêng Cầm	0,0101	0,078	„
28	Hồ Nậm Chanh	Xã Mường Chanh	0,0075	0,014	Hồ thủy điện
III Huyện Yên Châu					
1	Hồ Nà Dạ 01	Xã Chiềng On	0,0131	0,0605	Hồ thủy lợi
2	Hồ Nà Dạ 02	Xã Chiềng On	0,0076	0,0443	„
3	Hồ Trắng Nặng	Xã Chiềng On	0,0186	0,025	„
4	Hồ Mường Lụm	Xã Mường Lụm	0,2425	1,05	„
5	Hồ Huổi Vành	Xã Chiềng Đông	0,304	2,8	„
6	Hồ Chiềng Khoi	Xã Chiềng Khoi	0,32	3,1	Hồ thủy lợi + Di tích cấp tỉnh (đang trình)
7	Hồ Yên Thi	Xã Lóng Phiêng	0,011	0,05	„
8	Hồ Huổi Ngựa	Xã Chiềng Păn	0,0069	0,05	„
9	Hồ Huổi Hẹ	Xã Viêng Lán	0,0258	0,078	„
10	Hồ Đông Khùa	Xã Tú Nang	0,064	0,145	Hồ thủy điện
11	Hồ Sập Việt	Xã Sập Vạt	0,48	2,056	„
12	Hồ To Buông	Xã Lóng Phiêng	0,0196	0,041	„
IV Thành phố Sơn La					
1	Hồ Nậm La	Xã Chiềng Xôm	0,005	0,173	Hồ thủy điện
2	Hồ bản Muông	Xã Chiềng Cọ	13,5	1,5	Hồ thủy lợi
3	Hồ bản Dầu	Xã Chiềng Cọ	6	0,0025	„
4	Hồ bản Ót Luông	Xã Chiềng Cọ	12	0,003	„
5	Hồ Nà Cọ	P. Chiềng Cơi	4	0,002	„
6	Hồ bản Châu	P. Chiềng Cơi	5	0,004	„
7	Hồ Coóng Nọi	P. Chiềng Cơi	0,7	0,026	„
8	Hồ Bản Lụa	Xã Hua La	5	0,01	„
9	Hồ bản Lun	Xã Hua La	3,5	0,007	„
10	Hồ Bản Lay	P. Chiềng Sinh	5	0,008	„
11	Hồ Co Luông	P. Chiềng Sinh	2,5	0,004	„
12	Hồ Tăng Sứa	P. Chiềng Sinh	2	0,004	„
13	Hồ Huổi Có 1	P. Chiềng Sinh	2	0,025	„
14	Hồ Huổi Có 2	P. Chiềng Sinh	3	0,004	„



STT	Tên hồ	Vị trí	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng
15	Hồ Huổi Luông	P. Chiềng Sinh	5	0,007	„
16	Hồ đầu nguồn Tồ 5	P. Chiềng Sinh	2,5	0,006	„
17	Hồ Huổi Ban	P. Chiềng Sinh	3,5	0,008	„
18	Hồ Huổi Săng	P. Chiềng Sinh	8	0,003	„
19	Hồ Noong Mẹo	P. Chiềng Sinh	4,5	0,035	„
20	Hồ Huổi Thăm	P. Chiềng Sinh	3	0,01	„
21	Hồ Nong Ló	P. Chiềng Sinh	6	0,025	„
22	Hồ Thăm Poóng	P. Chiềng Sinh	7	0,03	„
23	Hồ Huổi Lót	P. Chiềng Sinh	3	0,03	„
24	Hồ Noong Đông	P. Chiềng Sinh	8	0,012	„
25	Hồ Huổi Hẹo	P. Chiềng Sinh	3,5	0,08	„
26	Hồ Toong Pinh	P. Chiềng Sinh	2,5	0,012	„
27	Hồ 50	P. Chiềng Sinh	3	0,014	„
28	Hồ Huổi Cang	P. Chiềng Sinh	3	0,025	„
29	Hồ Thủy Lợi B. Cang	P. Chiềng Sinh	2	0,006	„
30	Hồ Huổi Ta	P. Chiềng Sinh	5	0,0012	„
31	Hồ Nong Đức	P. Chiềng Sinh	12	0,0036	„
32	Hồ Bản Mạy	P. Chiềng Sinh		0,009	„
33	Hồ Bản Nam	Xã Chiềng Đen	2,5	0,005	„
34	Hồ Bản Páng	Xã Chiềng Đen	5,5	0,008	„
35	Hồ PhiêngNghè	Xã Chiềng Đen	4,5	0,035	„
36	Hồ Lồm Tồng	Xã Chiềng Đen	5	0,004	„
37	Hồ Nong La	Xã Chiềng Ngần	4,5	0,01	„
38	Hồ Nà Lo	Xã Chiềng Ngần	3,5	0,005	„
39	Hồ Huổi Lò	Xã Chiềng Ngần	3,2	0,01	„
40	Hồ Bản Khoang	Xã Chiềng Ngần	5	0,003	„
41	Hồ Huổi Ngoa	Xã Chiềng Ngần	2,5	0,003	„
42	Hồ Bản Ổ	Xã Chiềng Ngần	3,5	0,01	„
43	Hồ Huổi Khương	Xã Chiềng Ngần	3,5	0,004	„
44	Hồ Huổi Phứa	Xã Chiềng Ngần	2,35	0,003	„
45	Hồ Nà Ngựa	Xã Chiềng Ngần	3,5	0,002	„
46	Hồ Bản Púng	Xã Chiềng Ngần	3,5	0,01	„
47	Hồ Bản Kềm	Xã Chiềng Ngần	4	0,003	„
48	Hồ Bản Dừn	Xã Chiềng Ngần	3,5	0,002	„
49	Hồ Bản Co Pục	Xã Chiềng Ngần	2,5	0,01	„
50	Hồ Quang Tai	Xã Chiềng Ngần	2,3	0,003	„
51	Hồ Huổi Ta	Xã Chiềng Ngần	1,5	0,0012	„
52	Hồ Bản Phường	Xã Chiềng Ngần	2,5	0,002	„
53	Hồ Huổi Khoang	Xã Chiềng Ngần	3,5	0,004	„
54	Hồ bản Pát	Xã Chiềng Ngần	4,5	0,035	„
55	Hồ bản Ca Láp	Xã Chiềng Ngần	3,5	0,024	„
56	Hồ bản Híp	Xã Chiềng Ngần		0,005	„
57	Hồ bản Dừn	Xã Chiềng Xôm	3	0,003	„
58	Hồ bản Có	Xã Chiềng Xôm	2,5	0,0032	„
59	Hồ bản Tông	Xã Chiềng Xôm	2,5	0,0025	„
60	Hồ bản Mòn	Xã Chiềng Xôm	2	0,0021	„
61	Hồ bản Thế	Xã Chiềng Xôm	2,2	0,003	„
62	Hồ Bản Hìn	P. Chiềng An	5,3	0,003	„

STT	Tên hồ	Vị trí	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng
V	Huyện Mộc Châu				
1	Hồ Mường Sang 2	Xã Mường Sang	0,0013	0,101	Hồ thủy điện
2	Hồ Tát Ngoẵng	Xã Chiềng Hắc	0,045	0,167	„
3	Hồ Tà Niết	Xã Chiềng Hắc	0,11	0,246	„
4	Hồ Nà Sài	Xã Hua Păng			Hồ thủy lợi
VI	Huyện Vân Hồ				
1	Hồ Sơ Vin	Xã Tô Múa	0,0127	0,046	Hồ thủy điện
2	Hồ Suối Tân 2	Xã Chiềng Khoa	0,007	0,013	„
3	Hồ Sao Đỏ	Xã Vân Hồ	0,048	0,072	
4	Hồ Bó Nhàng	Xã Vân Hồ	0,021	0,031	
VII	Huyện Phù Yên				
1	Hồ Suối Chiêu	Xã Mường Thái	105	4,316	Hồ thủy lợi
2	Hồ Suối Hòm	Xã Huy Tường	3,5	1,3	„
3	Hồ Bản Lềm	Xã Huy Tân	6	0,63	„
4	Hồ Suối Sập 3	Xã Suối Bau	0,298	3,269	Hồ thủy điện
VIII	Huyện Bắc Yên				
1	Hồ Nậm Chim 1	Xã Xím Vàng	0,18	0,305	Hồ thủy điện
2	Hồ Suối Sập 1	Xã Suối Tọ, huyện Phù Yên + Xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên	4,31	9,86	„
3	Hồ Háng Đồng A1 (hồ chính)	Xã Háng Đồng	0,044	0,196	„
4	Hồ Háng Đồng A1 (hồ phụ)	Xã Háng Đồng		0,038	„
5	Hồ Nậm Chim 2	Xã Chim Vàn	0,023	0,45	„
6	Hồ Nậm Chim 1A	Xã Xím Vàng	0,006	0,127	„
7	Hồ Háng Đồng A	Xã Háng Đồng	0,068	0,9837	„
8	Hồ Xím Vàng 2	Xã Xím Vàng	0,022	0,165	„
9	Hồ Nậm Chim 1B	Xã Háng Chú	0,012	0,096	„
10	Hồ Suối Lùm 1	Xã Pắc Ngà		0,0233	„
IX	Huyện Thuận Châu				
1	Hồ Chiềng Ngâm Thượng	Xã Tông Cọ	0,008	0,0979	Hồ thủy điện
2	Hồ Nậm Hóa 2	Xã Mường Bám	1495	4,309	„
3	Hồ Lái Bay	Xã Phông Lái	5,4	1,3	Hồ thủy lợi
4	Hồ Noong Giăng	Xã Nong Lay			„
5	Hồ Noong Chạy	Xã Muối Nội			„
X	Huyện Quỳnh Nhai				
1	Hồ Tho Lóng	Xã Mường Giăng	3,00	0,086	Hồ thủy lợi
2	Hồ Huổi Có	Xã Mường Giăng	4,40	0,137	„
XI	Huyện Sông Mã				
1	Hồ Nậm Sỏi	Xã Mường Cai	0,119	0,266	Hồ thủy điện
2	Hồ Nậm Công 4	Xã Huổi Một	0,05	0,105	„
3	Hồ Nậm Công 3	Xã Huổi Một	0,0193	0,534	„
4	Hồ Nậm Công 5	Xã Huổi Một	0,011	0 008	„
5	Hồ Mường Hung	Xã Mường Hung		3,3	„

STT	Tên hồ	Vị trí	Diện tích (km ²)	Dung tích (10 ⁶ m ³)	Loại hình, chức năng
XII	Huyện Sốp Cộp				
1	Ao hồ	Xã Sốp Cộp	0,9	0,0162	Công trình cảnh quan đô thị
2	Ao tập thể	Xã Mường Lạn	0,13	0,00195	Nuôi trồng thủy sản
3	Ao Đồn biên phòng	Xã Mường Lạn	0,28	0,00364	„
4	Hồ Nong Bai	Xã Dầm Cang	0,85	0,00675	„
5	Ao Nong Púng	Xã Mường Lạn	0,20	0,001	„
6	Hồ Tà Cọ	Xã Sốp Cộp	0,21	1,73	Hồ thủy điện

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG
CẢNH GẮN VỚI NGUỒN NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC XẾP HẠNG KHÔNG ĐƯỢC SAN
LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên hồ	Vị trí	Năm xếp hạng	Diện tích khoanh vùng các khu vực bảo vệ (m ²)	Phân cấp quản lý	Ghi chú
I Di tích được xếp hạng cấp Bộ						
1	Di tích danh thắng hang Thẩm Tát Tòng	Bản Bó, phường Chiềng An, TP Sơn La	05/02/1994	8.250	UBND phường Chiềng An, TP Sơn La + Công ty CP cấp nước Sơn La	Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 1052/SVHTT &DL-KHTC ngày 13/5/2019
II Di tích được xếp hạng cấp tỉnh						
1	Di tích Danh lam thắng cảnh Thác Dải Yếm	Bản Vật, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu	28/5/2012	26.925	UBND huyện Mộc Châu	Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 1052/SVHTT &DL-KHTC ngày 13/5/2019
2	Di tích Danh lam thắng cảnh Thác Tạt Nàng	Xã Chiềng Yên, huyện Vân Hồ	08/01/2016	106.807	UBND huyện Vân Hồ	

